



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

A member of  International

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 40
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 40

105-2

NHÀ
CỐ TỬ T
KIỂM
AASC

TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Hữu Minh	Chủ tịch
Ông Trương Văn Cư	Thành viên
Bà Lê Thị Bích Lợi	Thành viên
Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên
Ông Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Cư	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Kim Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát, bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Tiến	Kiểm soát viên
Ông Hoàng Quốc Hưng	Kiểm soát viên

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được bổ nhiệm vào ngày 05/05/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:





Số: 208 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về việc Báo cáo tài chính riêng được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016. Đến thời điểm 31/12/2016, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng này có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 30/04/2016.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

TP.HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2017

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

15-C
1H
1H
JAN
PHI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/05/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		330.954.950.684	228.415.725.017
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	140.846.345.536	85.682.220.431
111	1. Tiền		110.452.494.491	47.496.926.984
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.393.851.045	38.185.293.447
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	11.000.000.000	17.727.427.019
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.000.000.000	17.727.427.019
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.597.735.157	64.761.814.785
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	481.363.674	2.631.895.542
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	47.403.509.118	2.724.897.534
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	53.630.526.559	59.405.021.709
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(917.664.194)	-
140	IV. Hàng tồn kho	09	60.382.985.478	28.786.739.306
141	1. Hàng tồn kho		60.382.985.478	28.786.739.306
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.127.884.513	31.457.523.476
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.261.306.969	8.808.242.502
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	16.866.577.544	22.649.280.974
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		754.527.018.322	740.608.454.010
220	II. Tài sản cố định		78.978.426.973	89.925.655.986
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	78.978.426.973	89.925.655.986
222	- Nguyên giá		334.030.696.525	347.016.114.758
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(255.052.269.552)	(257.090.458.772)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		47.612.627.943	35.461.337.318
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	47.612.627.943	35.461.337.318
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	623.055.308.895	609.856.924.103
251	1. Đầu tư vào công ty con		559.080.472.655	547.860.977.730
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(21.110.133)	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.880.654.511	5.364.536.603
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.880.654.511	5.364.536.603
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.085.481.969.006	969.024.179.027



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/05/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		102.575.446.243	89.574.179.027
310	I. Nợ ngắn hạn		85.381.277.995	80.652.521.377
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	1.796.682.301	1.531.110.247
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.521.008.384	20.177.700.906
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	477.413.284	5.420.188.045
314	4. Phải trả người lao động		60.566.280.587	22.744.535.128
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.978.207.468	1.481.525.444
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.760.402.206	21.589.708.659
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.002.389.091	708.017.353
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.278.894.674	6.999.735.595
330	II. Nợ dài hạn		17.194.168.248	8.921.657.650
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	12.502.740.192	8.921.657.650
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		4.691.428.056	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		982.906.522.763	879.450.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	982.906.522.763	879.450.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		103.456.522.763	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		103.456.522.763	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.085.481.969.006	969.024.179.027

100111
 CHI N
 CÔNG
 HÃNG K
 A
 IN 4 - TP

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Lý Đệ
 Người lập

Lâm Thanh Phú
 Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
 Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2016	Từ ngày 01/01/2016
			đến ngày 31/12/2016	đến ngày 30/04/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	258.295.382.970	73.643.112.981
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		258.295.382.970	73.643.112.981
11	4. Giá vốn hàng bán	23	194.935.810.255	67.745.622.106
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.359.572.715	5.897.490.875
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.666.593.020	8.431.260.462
22	7. Chi phí tài chính	25	273.836.100	72.201.936.838
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		60.811.708	137.016.310
25	8. Chi phí bán hàng	26	1.943.330.286	706.140.939
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	21.803.526.009	5.092.785.174
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.005.473.340	(63.672.111.614)
31	11. Thu nhập khác	28	78.182.913.640	7.611.183.042
32	12. Chi phí khác	29	719.641.311	523.759.437
40	13. Lợi nhuận khác		77.463.272.329	7.087.423.605
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		119.468.745.669	(56.584.688.009)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	16.012.222.906	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		103.456.522.763	(56.584.688.009)

Trần Lý Đệ

Trần Lý Đệ
 Người lập

Lâm Thanh Phú

Lâm Thanh Phú
 Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
 H. TÂN CHÂU - T. TÂY NINH

Trương Văn Cư

Trương Văn Cư
 Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2016	Từ ngày 01/01/2016
			đến ngày 31/12/2016	đến ngày 30/04/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		278.999.788.254	86.181.060.653
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(123.408.288.726)	(31.110.319.919)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(83.811.678.850)	(70.195.522.778)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(63.003.889)	(130.456.937)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.500.000.000)	(871.393.320)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.277.196.833	38.852.939.449
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(62.824.820.810)	(147.841.471.723)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>12.669.192.812</i>	<i>(125.115.164.575)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.909.932.117)	(1.495.736.079)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		57.576.766.155	6.778.831.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.000.000.000)	(17.727.427.019)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.727.427.019	12.727.427.019
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11.219.494.925)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.212.835.280	5.189.175.656
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>38.387.601.412</i>	<i>5.472.270.849</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.583.471.633	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(708.017.353)	(237.500.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>3.875.454.280</i>	<i>(237.500.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>54.932.248.504</i>	<i>(119.880.393.726)</i>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Tổ 2, Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016
đến ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2016	Từ ngày 01/01/2016
			đến ngày 31/12/2016	đến ngày 30/04/2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		85.682.220.431	205.623.366.860
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		231.876.601	(60.752.703)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>140.846.345.536</u>	<u>85.682.220.431</u>

Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

11105-0
HÀNH NHÃN
NG TY TN
3 KIỂM
AASC
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 879.450.000.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 879.450.000.000 đồng; tương đương 87.945.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Trồng cây cao su, khai thác và chế biến mủ cao su.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Công nghiệp hóa chất phân bón;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thương nghiệp bán buôn;
- Sản xuất chai nhựa PET, nước uống tinh khiết đóng chai.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Ngày 29/04/2016, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, thời điểm chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/05/2016. Công ty lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016 để thực hiện bàn giao tài sản, nguồn vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Tân Biên sang công ty cổ phần. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2016, Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên, do đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tại ngày 01/05/2016 của Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
- Văn phòng Công ty	Tây Ninh	Kinh doanh mủ cao su
- Nông trường cao su Xa Mát	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Tân Hiệp	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Bồ Túc	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Suối Ngõ	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Xí nghiệp cơ khí chế biến	Tây Ninh	Cơ khí vận tải, chế biến mủ cao su
- Trung tâm y tế Công ty	Tây Ninh	Y tế

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/5/2016 đến ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

11106-
II NHÀ
NG TY T
KIỂM
AAS
TR H

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 05 - 08 năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 năm |



Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo công văn số 193/BTC-TCDN ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc trích khấu hao vườn cây cao su và công văn số 221/QĐ-CSVN của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ban hành điều chỉnh tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ trích khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây Cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây Cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

2.17. Doanh thu

Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Đãi lợi đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chia cho chủ sở hữu qua mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giám sát vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được ghi nhận cho chủ sở hữu qua mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giám sát vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, doanh nghiệp sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lợi của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lợi của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lợi của Công ty.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15. Chi phí phải trả

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế hoạch vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tắc.

2.13. Các khoản nợ vay

1110
 II NI
 NG T
 G KI
 AA
 -TP

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo khoản 1, điều 6, thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

5-006
TÂN
Y TNHH
M TÔI
SC
ĐỒ CH

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/05/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.714.500.060	4.289.195.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.737.994.431	43.207.731.172
Các khoản tương đương tiền (*)	30.393.851.045	38.185.293.447
	<u>140.846.345.536</u>	<u>85.682.220.431</u>

(*) Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng, có giá trị 30.393.851.045 VND được gửi tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,6 %/năm đến 4,8 %/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/05/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn ⁽¹⁾	11.000.000.000	11.000.000.000	17.727.427.019	17.727.427.019
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn ⁽²⁾	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
	13.000.000.000	13.000.000.000	17.727.427.019	17.727.427.019

⁽¹⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân Công ty Cao su Tân Biên, với lãi suất từ 6,5 %/năm - 6,8%/năm.

⁽²⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân Công ty Cao su Tân Biên, với lãi suất từ 6,8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/05/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con.				
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom ⁽¹⁾	559.080.472.655	-	-	547.860.977.730
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom ⁽¹⁾	559.080.472.655	-	-	547.860.977.730
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty CP Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh ⁽¹⁾	16.091.369.631	-	-	16.091.369.631
- Công ty CP Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh ⁽¹⁾	16.091.369.631	-	-	16.091.369.631
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty CP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị ⁽¹⁾	45.904.576.742	12.531.200.000	(21.110.133)	45.904.576.742
- Công ty CP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị ⁽¹⁾	26.263.809.000	-	-	26.263.809.000
- Công ty CP TM Dịch vụ Du lịch Cao su ⁽¹⁾	2.173.597.465	-	(21.110.133)	2.173.597.465
- Công ty CP Quasa - Geruco ⁽¹⁾	11.593.170.277	-	-	11.593.170.277
- Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam ⁽²⁾	5.874.000.000	12.531.200.000	-	5.874.000.000
	621.076.419.028	12.531.200.000	(21.110.133)	609.856.924.103
				5.874.000.000

⁽¹⁾ Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽²⁾ Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (mã cổ phiếu VRG, giao dịch trên thị trường UPCoM) được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/12/2016.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	50,79%	50,79%	Trồng cao su

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	21,60%	21,60%	Khai thác, chế biến, sản xuất gỗ

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem thuyết minh số 36.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6,11%	6,11%	Sản xuất và kinh doanh XNK gỗ ván
Công ty CP TM Dịch vụ Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	3,04%	3,04%	Thương mại, dịch vụ
Công ty CP Quasa - Geruco	Tỉnh Quảng Trị	1,52%	1,20%	Trồng cao su
Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Tỉnh Hải Dương	7,56%	7,56%	Đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/05/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	2.143.631.254
- Eksambath Company	461.871.194	461.871.194
- Các khoản phải thu khách hàng khác	19.492.480	26.393.094
	481.363.674	2.631.895.542
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.	-	2.143.631.254

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/05/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	45.649.600.000	-	-	-
- Đối tượng khác	1.753.909.118	(455.793.000)	2.724.897.534	-
	47.403.509.118	(455.793.000)	2.724.897.534	-

06-C.2
NH
NH
TOÁN
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2016		01/05/2016	
	Giá trị VND	Dư phòng VND	Giá trị VND	Dư phòng VND
- Tạm ứng	225.000	-	50.000.000	-
- Phải thu về cổ phần hóa	2.324.297.922	-	2.324.297.922	-
- Phải thu cổ tức được chia	2.359.518.900	-	2.359.518.900	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	604.823.926	-	856.344.717	-
- Phải thu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	13.936.726.247	-	28.717.455.237	-
- Cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom mượn tiền	15.473.905.000	-	10.573.905.000	-
- Phải thu nhân viên tiền bảo hiểm nhân thọ	71.268.573	-	6.500.000	-
- Phải thu về vật tư giao khoán, tiền ăn giữa ca của các nông trường	782.873.587	-	498.046.048	-
- Phải thu BHHX tỉnh Tây Ninh tiền ốm đau thai sản	395.048.521	-	-	-
- Phải thu BHHX, BHYT, BHTN của người lao động	803.211.622	-	815.268.815	-
- Phải thu thuế TNCN của nhân viên	22.634.729	-	601.293.081	-
- Phải thu tiền tạm ứng đi tham quan du lịch cho nhân viên	-	-	829.800.000	-
- Phải thu tiền thuế đất, phí quản lý các hộ giao khoán	-	-	609.695.402	-
- Phải thu về chi vượt Quỹ khen thưởng	16.028.477.570	-	10.077.939.070	-
- Phải thu khác	827.514.962	-	1.084.957.517	-
	53.630.526.559	-	59.405.021.709	-



8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/05/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Eksambath Company	461.871.194	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đức	455.793.000	-	-	-
	<u>917.664.194</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/05/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.686.632.181	-	5.342.359.109	-
Công cụ, dụng cụ	677.833.728	-	1.618.658.364	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.447.839.847	-	371.072.258	-
Thành phẩm	42.819.346.008	-	20.195.479.818	-
Hàng hoá	6.751.333.714	-	265.105.415	-
Hàng gửi đi bán	-	-	994.064.342	-
	<u>60.382.985.478</u>	<u>-</u>	<u>28.786.739.306</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/05/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2013	13.997.136.979	13.154.663.958
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2014	12.742.756.268	11.485.061.586
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2015	12.182.950.184	10.005.381.774
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2016	8.689.784.512	-
- Chi phí thuê đất	-	816.230.000
	<u>47.612.627.943</u>	<u>35.461.337.318</u>

1105-06
 NHẬN
 KIỂM
 AASC
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

II . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Vườn cây lâu năm		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu kỳ	100.451.997.139	59.157.048.168	30.344.880.581	2.305.235.998	154.756.952.872	347.016.114.758						
- Mua trong kỳ	-	318.000.000	1.626.363.636	-	-	1.944.363.636						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	317.258.799	-	-	-	-	317.258.799						
- Thanh lý, nhượng bán	(220.949.823)	-	(5.988.878.085)	-	(9.037.212.760)	(15.247.040.668)						
Số dư cuối kỳ	100.548.306.115	59.475.048.168	25.982.366.132	2.305.235.998	145.719.740.112	334.030.696.525						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	63.351.114.614	50.380.564.309	26.598.745.911	1.798.035.951	114.961.997.987	257.090.458.772						
- Khấu hao trong kỳ	4.112.371.796	1.133.064.098	1.116.682.308	206.575.791	6.631.403.004	13.200.096.997						
- Thanh lý, nhượng bán	(220.949.823)	-	(5.988.878.085)	-	(9.028.458.309)	(15.238.286.217)						
Số dư cuối kỳ	67.242.536.587	51.513.628.407	21.726.550.134	2.004.611.742	112.564.942.682	255.052.269.552						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu kỳ	37.100.882.525	8.776.483.859	3.746.134.670	507.200.047	39.794.954.885	89.925.655.986						
Tại ngày cuối kỳ	33.305.769.528	7.961.419.761	4.255.815.998	300.624.256	33.154.797.430	78.978.426.973						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.154.797.430 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 139.027.610.035 VND

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2016, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết từ năm 2014, với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 345.068.540 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/05/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.023.127.315	649.975.717
Chi phí thuê đất năm 2016	-	7.914.296.261
Chi phí sửa chữa	130.799.939	-
Chi phí bảo hiểm	54.915.228	105.144.715
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	52.464.487	138.825.809
	<u>1.261.306.969</u>	<u>8.808.242.502</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	682.546.564	696.207.501
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	654.794.696	2.091.808.452
Chi phí đào mương ở các nông trường	3.209.837.588	47.227.111
Chi phí phần mềm diệt vi rút, bảo trì phần mềm máy tính	-	79.330.393
Chi phí trả trước dài hạn khác	333.475.663	2.449.963.146
	<u>4.880.654.511</u>	<u>5.364.536.603</u>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/05/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	-	14.864.490.958
Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh	-	2.631.325.200
Công ty TNHH Phát triển PTN	2.884.142.100	397.215.840
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha	866.335.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su	799.448.000	-
Các đối tượng khác	1.971.083.284	2.284.668.908
	<u>6.521.008.384</u>	<u>20.177.700.906</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

15 - PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2016		01/05/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần F.A	727.068.791	727.068.791	22.838.874	22.838.874
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo trì Quốc tế	-	-	407.556.984	407.556.984
- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	-	305.000.000	305.000.000
- Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	-	-	193.537.656	193.537.656
- Công ty Cổ phần Thương mại In nông nghiệp Việt Nam	230.505.000	230.505.000	-	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Công nghiệp Dịch vụ Hùng Duy	183.590.700	183.590.700	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	655.517.810	655.517.810	602.176.733	602.176.733
	1.796.682.301	1.796.682.301	1.531.110.247	1.531.110.247
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	-	-	7.392.000	7.392.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Điều chỉnh theo quyết toán thuế	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	880.237.514	-	9.138.200.534	9.559.135.575	-	459.302.473
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	21.759.139.079	-	-	16.012.222.906	8.500.000.000	14.246.916.173	-
Thuế Thu nhập cá nhân	890.141.895	-	(542.584.477)	61.839.981	10.328.609	1.381.215.000	-
Thuế Tài nguyên	-	780.662	-	84.770.003	67.439.854	-	18.110.811
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	4.482.894.223	-	-	5.721.340.594	1.238.446.371	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	56.275.646	-	-	56.275.646	-	-
	22.649.280.974	5.420.186.045	(542.584.477)	25.297.033.424	23.914.520.278	16.866.577.544	477.413.284

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/05/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí bồi dưỡng độc hại	-	948.969.984
- Chi phí thu mua mù nguyên liệu	1.978.207.468	-
- Chi phí phải trả khác	-	532.555.460
	<u>1.978.207.468</u>	<u>1.481.525.444</u>

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/05/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	652.472.690
- Phải trả về cổ phần hoá	3.274.077.107	17.297.059.546
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.041.965.000	1.039.784.400
- Phải trả lãi vay	16.967.854	19.160.035
- Phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	385.181	627.396.053
- Phải trả Công ty TNHH Cơ khí xây dựng và Thương mại Tân Phước Tài (tạm ghi nhận theo giá trị quyết toán)	1.411.349.091	1.411.349.091
- Quỹ ủng hộ, quỹ từ thiện, quỹ tình thương nhân viên đóng góp	326.828.552	341.328.552
- Phải trả tiền vật tư giao khoán cho công nhân các nông trường	470.278.070	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	218.551.351	201.158.292
	<u>6.760.402.206</u>	<u>21.589.708.659</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

19 . CÁC KHOẢN NỢ VAY

	01/05/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	708.017.353	708.017.353	1.002.389.091	708.017.353	1.002.389.091	1.002.389.091
	<u>708.017.353</u>	<u>708.017.353</u>	<u>1.002.389.091</u>	<u>708.017.353</u>	<u>1.002.389.091</u>	<u>1.002.389.091</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.629.675.003	9.629.675.003	4.583.471.633	708.017.353	13.505.129.283	13.505.129.283
	<u>9.629.675.003</u>	<u>9.629.675.003</u>	<u>4.583.471.633</u>	<u>708.017.353</u>	<u>13.505.129.283</u>	<u>13.505.129.283</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(708.017.353)	(708.017.353)	(1.002.389.091)	(708.017.353)	(1.002.389.091)	(1.002.389.091)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>8.921.657.650</u>	<u>8.921.657.650</u>			<u>12.502.740.192</u>	<u>12.502.740.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh bao gồm các hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng tín dụng trung hạn số HĐ 0200046457/144/2012/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 13/02/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng : 15.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: đầu tư mua sắm thiết bị bồn chứa mù cao su ly tâm;
- Thời hạn cho vay: 3 năm;
- Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 9.603.800 m² tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00018/QSDD/450202 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/06/1997;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối 31/12/2016 là 730.909.091 VND, giá trị nợ phải trả trong năm tới là 730.909.091 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0200046457/15/2014/HĐTĐH-PN/SHB.130100 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng : 38.150.000.000 VND;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí tái canh vườn cây cao su trong năm 2013 của Công ty TNHH TMV Cao su Tân Biên (nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên);
- Thời hạn cho vay: 228 tháng (19 năm);
- Lãi suất cho vay: 8,75%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 9.603.800 m² tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00018/QSDD/450202 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/06/1997;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối 31/12/2016 là 11.959.770.711 VND, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/01/2021.

(3) Hợp đồng tín dụng trung hạn số HĐ 0200046457/144/2016/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 28-12-2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng : 15.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: đầu tư xây dựng cơ bản;
- + Thời hạn cho vay: 3 năm;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 9.603.800 m² tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00018/QSDD/450202 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/06/1997;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 814.449.481 VND, giá trị nợ phải trả trong năm tới là 271.480.000 VND.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	879.450.000.000	-	879.450.000.000
Lãi trong kỳ này	-	103.456.522.763	103.456.522.763
Số dư cuối kỳ này	<u>879.450.000.000</u>	<u>103.456.522.763</u>	<u>982.906.522.763</u>



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	98,46	865.905.530.000	98,46	865.905.530.000
Các cổ đông khác	1,54	13.544.470.000	1,54	13.544.470.000
	<u>100</u>	<u>879.450.000.000</u>	<u>100</u>	<u>879.450.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	879.450.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	879.450.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/05/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.945.000	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (mã cổ phiếu RTB), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu đã chính thức được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 07/11/2016 theo thông báo số 1126/TB-SGDHN ngày 31/10/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	31/12/2016	01/05/2016
a) Tài sản nhận giữ hộ			
- Mủ cao su	(tấn)	318,305	-
b) Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		715.569,26	348.406,25

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Doanh thu bán mủ cao su	257.659.636.972	73.507.309.197
Doanh thu nước tinh khiết, sản phẩm nhựa PET	348.955.998	135.803.784
Doanh thu gia công	286.790.000	-
	258.295.382.970	73.643.112.981
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	-	3.035.410.445

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Giá vốn mủ cao su	194.353.847.242	67.210.180.870
Giá vốn của nước tinh khiết, sản phẩm nhựa PET	385.506.385	535.441.236
Giá vốn gia công	196.456.628	-
	194.935.810.255	67.745.622.106

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.961.314.489	1.590.778.471
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.547.045.925
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	473.401.930	2.066.435
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	231.876.601	-
Lãi chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính	-	5.291.369.631
	2.666.593.020	8.431.260.462

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	60.811.708	137.016.310
Chi phí tài chính khác	21.363.636	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	170.550.623	153.654.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	68.537.381
Dự phòng tổn thất đầu tư	21.110.133	(9.647.257.356)
Lỗ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính	-	81.489.985.528
	273.836.100	72.201.936.838

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.200.789.301	338.213.983
Chi phí nhân công	1.824.000	504.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.716.985	367.422.956
	1.943.330.286	706.140.939

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	426.991.120	249.419.743
Chi phí nhân công	11.517.417.901	2.239.347.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	440.067.824	226.835.309
Thuế, phí, lệ phí	277.493.583	92.201.330
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng	917.664.194	(917.664.194)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.174.270.770	690.696.796
Chi phí khác bằng tiền	7.049.620.617	2.511.949.086
	21.803.526.009	5.092.785.174

28 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.032.755.182	-
Thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su	69.301.515.662	6.778.831.272
Thù lao người đại diện vốn tại các công ty đầu tư	18.000.000	47.250.000
Thanh lý, nhập kho nguyên liệu cây cao su gãy đổ	3.501.526.633	83.268.000
Thanh lý phế liệu, mù kiểm phẩm, mù tận thu	914.714.766	506.462.400
Tiền thuê nhà của CBCNV	99.059.091	-
Thu nhập từ khám chữa bệnh	270.786.048	114.176.770
Thu nhập từ tiền đặt cọc không thực hiện hợp đồng	179.509.010	-
Thu nhập từ bán cây trầm vàng	258.600.000	-
Thu nhập từ bán gỗ đóng pallet, cùi bao bì	127.061.700	-
Thu nhập khác	479.385.548	81.194.600
	78.182.913.640	7.611.183.042
Thu nhập khác đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	41.139.595.243	35.545.763.815

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ	326.578.686	-
Lãi chậm nộp thuế	542.696	-
Chi phí thù lao trả cho người đại diện vốn tại các đơn vị đầu tư	-	274.900.000
Giá trị vườn cây cao su chết do nắng hạn	198.702.684	-
Chi phí khác	193.817.245	248.859.437
	719.641.311	523.759.437

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	119.468.745.669	(56.584.688.009)
Các khoản điều chỉnh tăng	380.800.446	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(231.876.601)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	119.617.669.514	-
+ Thu nhập miễn thuế	39.556.554.986	-
+ Thu nhập tính thuế	80.061.114.528	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.012.222.906	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(21.759.139.079)	(20.887.745.759)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(8.500.000.000)	(871.393.320)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(14.246.916.173)	(21.759.139.079)

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.960.528.108	8.577.047.354
Chi phí nhân công	143.270.643.950	19.658.176.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.833.060.089	4.401.420.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.169.675.541	2.494.801.322
Chi phí khác bằng tiền	21.437.925.013	7.640.756.453
	229.671.832.701	42.772.201.528

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016
đến ngày 31/12/2016**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.846.345.536	-	-	140.846.345.536
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.650.019.039	-	-	53.650.019.039
Các khoản cho vay	11.000.000.000	2.000.000.000	-	13.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	45.883.466.609	45.883.466.609
	205.496.364.575	2.000.000.000	45.883.466.609	253.379.831.184
Tại ngày 01/05/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.682.220.431	-	-	85.682.220.431
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.036.917.251	-	-	62.036.917.251
Các khoản cho vay	17.727.427.019	-	-	17.727.427.019
Đầu tư dài hạn	-	-	45.904.576.742	45.904.576.742
	165.446.564.701	-	45.904.576.742	211.351.141.443

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	1.002.389.091	12.502.740.192	-	13.505.129.283
Phải trả người bán, phải trả khác	8.557.084.507	-	-	8.557.084.507
Chi phí phải trả	1.978.207.468	-	-	1.978.207.468
	11.537.681.066	12.502.740.192	-	24.040.421.258
Tại ngày 01/05/2016				
Vay và nợ	708.017.353	8.921.657.650	-	9.629.675.003
Phải trả người bán, phải trả khác	23.120.818.906	-	-	23.120.818.906
Chi phí phải trả	1.481.525.444	-	-	1.481.525.444
	25.310.361.703	8.921.657.650	-	34.232.019.353

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	4.583.471.633	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	708.017.353	237.500.000

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh mủ cao su		Hoạt động nước tinh khiết, sản phẩm nhựa		Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND		VND	VND			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	257.659.636.972	348.955.998	286.790.000	-	258.295.382.970	-	258.295.382.970			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63.305.789.730	(36.550.387)	90.333.372	-	63.359.572.715	-	63.359.572.715			
Tổng chi phí mua TSCĐ	15.229.143.060	-	-	-	15.229.143.060	-	15.229.143.060			
Tài sản bộ phận	1.066.448.598.468	1.235.167.616	-	-	1.067.683.766.084	-	1.067.683.766.084			
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	17.798.202.922	-	17.798.202.922			
Tổng tài sản	1.066.448.598.468	1.235.167.616	1.085.481.969.006	-	1.085.481.969.006	-	1.085.481.969.006			
Nợ phải trả bộ phận	98.974.540.584	-	-	-	98.974.540.584	-	98.974.540.584			
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.600.905.659	-	3.600.905.659			
Tổng nợ phải trả	98.974.540.584	-	102.575.446.243	-	102.575.446.243	-	102.575.446.243			
Theo khu vực địa lý										
	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	258.295.382.970	20.833.669.191	279.129.052.161	-	279.129.052.161	-	279.129.052.161			

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016</u> VND	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016</u> VND
Góp vốn đầu tư		11.219.494.925	-
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	11.219.494.925	-
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		-	3.035.410.445
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	-	3.035.410.445
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		21.747.449.854	1.570.182.194
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	185.401.672	635.277.194
- Viện nghiên cứu Cao su	Đơn vị thành viên Tập đoàn	878.182	85.175.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Cùng Tập đoàn	-	769.830.000
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	6.462.000.000	-
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampongthom	Công ty con gián tiếp	14.801.570.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Công ty con	297.600.000	79.900.000
Cho mượn tiền		9.637.144.000	10.573.905.000
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	9.637.144.000	10.573.905.000
Bán cao su thanh lý		41.139.595.243	35.545.763.815
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu cao su	Cùng Tập đoàn	7.994.476.713	7.412.217.886
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha	Cùng Tập đoàn	10.908.351.165	8.562.180.883
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	15.709.166.992	19.571.365.046
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cao su	Cùng Tập đoàn	6.527.600.373	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		-	1.534.565.925
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	1.080.000.000
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Cùng Tập đoàn	-	454.565.925

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/05/2016</u>
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		-	2.143.631.254
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	-	2.143.631.254
Trả trước cho người bán ngắn hạn		45.649.600.000	-
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	45.649.600.000	-
Phải thu khác		31.770.150.147	40.371.360.237
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	13.936.726.247	28.717.455.237
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	15.473.905.000	-
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Cùng Tập đoàn	1.279.518.900	10.573.905.000
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	1.080.000.000	1.080.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		-	7.392.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí cao su	Cùng Tập đoàn	-	7.392.000
Người mua trả tiền trước		-	14.864.490.958
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	14.864.490.958
Phải trả khác		385.181	627.396.053
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	385.181	627.396.053
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		<u>Từ ngày 01/05/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016</u>
		<u>đến ngày 31/12/2016</u>	<u>đến ngày 30/04/2016</u>
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		950.400.000	669.738.300

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/04/2016 của Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (tiền thân của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên) đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu này chưa được Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty khi chuyển sang Công ty cổ phần.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp, chi tiết như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Đã trình bày trên BCTC năm trước</u>
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	136	59.405.021.709	49.327.082.639
Phải trả ngắn hạn khác	18	21.589.708.659	19.364.013.404
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	6.999.735.595	(3.078.203.475)
Vốn góp của chủ sở hữu	411	879.450.000.000	526.212.082.164
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	188.595.560.505
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	164.607.587.000

Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

